



Name:

Class: 3AP

PHIẾU GIAO BÀI TIẾNG ANH (07 - 11/03/2022)

Thời gian	Nội dung học: Ôn tập Unit 6 và Unit 7 (phần 1)
Thứ 2 (07/03)	1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (3 lần) Con mở "Track 1" để nghe bài.  go shopping  gift  stall  money  expensive  cheap  useful  colorful  choose  pay

2) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần)

Con mở “Track 2” để nghe bài.



a pair of earrings



a bar of soap



a piece of cheese



a bag of potatoes



a pack of pencils



a box of cookies



a bowl of rice



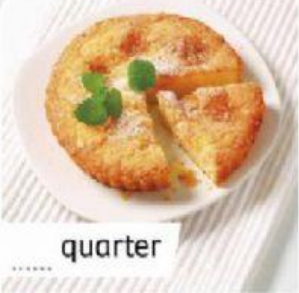
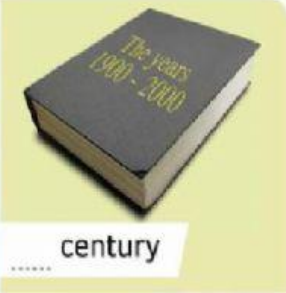
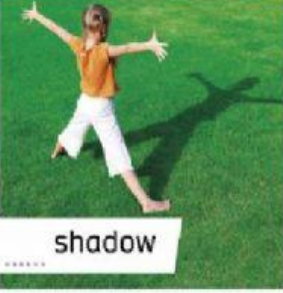
a bottle of cooking oil

3) Con làm phiếu số 1, 2 trên <https://www.liveworksheets.com/workbooks/>

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (3 lần)

Con mở “Track 3” để nghe bài.

Thứ 3
(08/03)

 quarter	 half	 hour minute second	 century
 decade	 shadow	 invent	 It's eight o'clock. tell the time

2) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở "Track 4" để nghe bài.

What's the time?



It's eight o'clock.



It's eight thirty.



It's quarter after eight.



It's quarter till nine.



eight



eight thirty



eight fifteen



eight forty-five

3) Con làm phiếu số 3, 4 trên <https://www.liveworksheets.com/workbooks/>

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (3 lần)

Con mở "Track 5" để nghe bài.



2) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở "Track 6" để nghe bài.

a



Gina is **worried about** the test.

b



They're **surprised at** their presents.

c



The children are **afraid of** the dark forest.

d



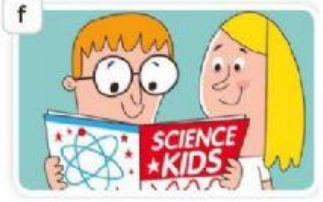
Luke and Marty are **tired of** cleaning
their room.

e



Mara is really **happy with** her new
bike.

f



Toby and Fiona are very **interested in**
science.

3) Con làm phiếu số 5, 6 trên <https://www.liveworksheets.com/workbooks/>

1) Nghe, chỉ tay vào đúng câu và đọc theo (2 lần)

Con mở “Track 7” để nghe bài.



- Which animals are you **afraid of**?
- I'm **afraid of** snakes.



- Which sports are you **interested in**?
- I'm **interested in** figure skating.



- Which toys or games are you **bored with**?
- I'm **bored with** the fishing game.



- Which school subjects are you **happy with**?
- I'm **happy with** English and art.

2) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần)

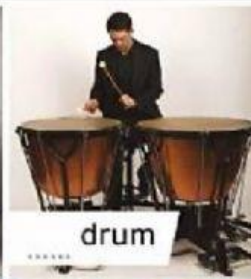
Con mở “Track 8” để nghe bài.



3) Con làm bài luyện đọc trên Teams.

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (3 lần)

Con mở “Track 8” để nghe bài.



2) Con làm phiếu số 7 trên <https://www.liveworksheets.com/workbooks/>

~ THE END ~